

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

UBND THỊ TRẦN ĐÔNG ANH
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **27-03-2019**

Số chứng thực 2424..... Quyền số 3..... SCT/BS

TM UBND THỊ TRẦN ĐÔNG ANH



PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huy Khôi

BẢN SAO

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2 - 3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

4 - 5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

6 - 7

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

8

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

9

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Y	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trú	Ủy viên
Ông Lê Văn Nhuận	Ủy viên
Ông Vũ Huy Phương	Ủy viên
Bà Dương Thị Thu	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Y	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trú	Giám đốc điều hành
Ông Lê Văn Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Vũ Huy Phương	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7 Thị Trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐCđính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

BẢN SAO

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG**Trần Đức Y****Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019



Số: 10-19/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu thép xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08/03/2019, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

BẢN SAO

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 22/03/2018.

Đồng thời, Công ty cũng thực hiện điều chỉnh lại số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2017 dựa trên Kết quả của Biên bản kiểm tra thuế ngày 24/10/2018 và Quyết định số 71386/QĐ-CT-TTr4 ngày 26/10/2018 của Cục thuế Thành phố Hà Nội.



Đặng Thị Kim Trinh

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1229-2018-153-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS

Đoàn Tiến Hưng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1123-2018-153-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178.187.141.011	134.129.904.641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.199.876.564	4.660.443.589
1 Tiền	111	V.01	4.199.876.564	4.660.443.589
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		79.308.661.163	81.317.687.214
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	85.098.331.623	85.137.542.144
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.515.503.299	2.824.712.887
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.620.737.088	2.346.741.551
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.925.910.847)	(8.991.309.368)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	94.510.179.692	48.151.773.838
1 Hàng tồn kho	141		94.510.179.692	48.151.773.838
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.423.592	-
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		100.603.655	-
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	67.819.937	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.559.039.127	35.780.553.742
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.599.059.933	29.567.499.682
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	28.599.059.933	29.567.499.682
- Nguyên giá	222		58.555.285.968	54.558.046.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.956.226.035)	(24.990.547.253)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	53.282.527	1.082.410.791
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		53.282.527	1.082.410.791
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	4.572.000.000	4.572.000.000
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.212.000.000	4.212.000.000
2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		360.000.000	360.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.334.696.667	558.643.269
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	1.334.696.667	558.643.269
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		212.746.180.138	169.910.458.383

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

01/01/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		139.775.818.033	97.043.763.611
I. Nợ ngắn hạn	310		139.775.818.033	97.043.763.611
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	75.470.131.540	60.204.752.975
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	42.132.841.901	21.969.035.701
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	563.893.158	3.263.766.051
4 Phải trả người lao động	314		5.556.960.806	3.367.344.950
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	109.421.315	221.158.273
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	7.461.653.454	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	6.935.057.866	6.806.024.823
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.545.857.993	1.211.680.838
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.970.362.105	72.866.694.772
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	72.970.362.105	72.866.694.772
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.191.509.818	3.191.509.818
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		15.606.628.702	15.606.628.702
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.172.223.585	9.068.556.252
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(44.620.903)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.216.844.488	9.068.556.252
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		212.746.180.138	169.910.458.383

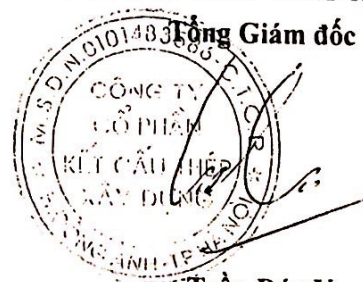
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	273.600.260.042	309.589.511.560
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		273.600.260.042	309.589.511.560
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	254.131.977.669	291.673.881.331
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.468.282.373	17.915.630.229
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	736.191.694	2.139.874.807
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	VI.06	2.167.773.663	2.251.422.900
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6.603.719.485	6.257.112.019
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		11.432.980.919	11.546.970.117
11 Thu nhập khác	31	VI.04	48.486.643	539.146.824
12 Chi phí khác	32	VI.05	54.641.596	411.836.568
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.154.953)	127.310.256
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		11.426.825.966	11.674.280.373
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	2.209.981.478	2.603.835.139
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.216.844.488	9.070.445.234
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.048,19	2.015,65

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

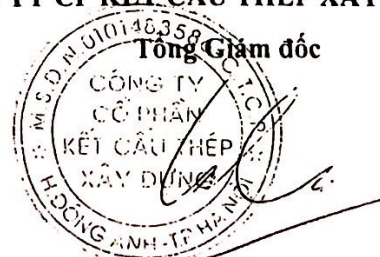
Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà



Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

Năm 2018

Năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.426.825.966	11.674.280.373
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		4.965.678.782	4.661.566.280
- Các khoản dự phòng	03		(65.398.521)	(14.687.472)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(26.405.526)	(6.539.942)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(709.786.168)	(2.331.100.888)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.590.914.533	13.983.518.351
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.973.820.917	(9.501.011.358)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(46.358.405.854)	22.456.614.075
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		42.978.401.755	(18.737.345.919)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(776.053.398)	497.176.488
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.753.835.139)	(2.724.968.191)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(75.000.000)	(3.974.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.579.842.814	1.999.983.446
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(3.997.239.033)	(4.244.287.203)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	197.766.023
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	1.440.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		374.986.168	1.343.703.628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.622.252.865)	(1.262.817.552)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.444.562.500)	(7.826.600.920)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.444.562.500)	(7.826.600.920)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(486.972.551)	(7.089.435.026)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.660.443.589	11.743.338.673
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		26.405.526	6.539.942
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	4.199.876.564	4.660.443.589

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

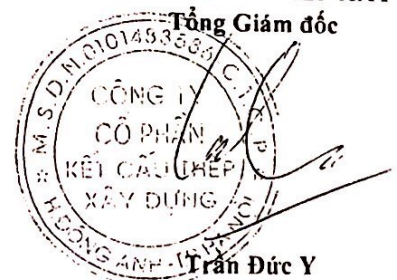
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà



Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 241/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là: **45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam)**.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và xây dựng công trình công nghiệp & dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí, nhà thép tiền chế, dầm thép tổ hợp, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cột điện cao - hạ thế, cột vi ba truyền hình, các thiết bị xây dựng, các loại cầu trục phục vụ các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng, xây lắp đường dây và trạm biến áp; Kinh doanh xuất nhập khẩu kim khí và vật tư tổng hợp;
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thiết bị nâng hạ, thiết bị phi tiêu chuẩn;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất kết cấu thép, cơ khí; San lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống); xây dựng công trình thủy lợi;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá, cho thuê kho bãi, thiết bị./.

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tổ 7, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách đơn vị trực thuộc:

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng, địa chỉ tại Tổ 7 Thị Trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Mẫu số B-09 - DN
BẢN SAO

Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép số 5	Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%
- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	Phường Tân Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của Văn phòng Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng và Nhà máy Kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với Nhà máy đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty này bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)



Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và công cụ vốn của đơn vị khác do các đơn vị này đều đang hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và chi phí sản xuất chung trực tiếp và phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2018, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa, vật kiến trúc

15 - 25

- Máy móc thiết bị

07 - 10

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)



- Phương tiện vận tải 08 - 10

- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 10

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí sản xuất trạm cân Nhà máy, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí dụng cụ văn phòng, chi phí thăm bê tông đường bãi, chi phí làm catalogue, chi phí sửa chữa nhà xưởng chính và phí dịch vụ hosting được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Riêng chi phí dịch vụ hosting được phân bổ trong thời gian 60 tháng theo quy định của Hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản chi phí tiền điện, phụ cấp Ban chấp hành Đảng Bộ, phí kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 và các chi phí phải trả khác. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Mẫu số B.09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do sai sót của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia.

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu tiền nhà của cán bộ công nhân viên, xử lý công nợ không phải trả và các thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Giá vốn hoạt động xây lắp được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ với mức thuế suất áp dụng là 10% đối với các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công và hoạt động xây lắp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

1. Tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền		
Tiền mặt	372.324.029	663.721.910
Tiền gửi ngân hàng	3.827.552.535	3.996.721.679
Cộng	4.199.876.564	4.660.443.589

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4.212.000.000	-	4.212.000.000	4.212.000.000
Công ty CP Kết cấu thép số 5	1.980.000.000	-	1.980.000.000	1.980.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	2.232.000.000	-	2.232.000.000	2.232.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000
Cộng	4.572.000.000	-	4.572.000.000	4.572.000.000

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập. Các Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện tại đang kinh doanh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

- Công ty CP Kết cấu thép số 5 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 170300356 ngày 09/01/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Thái Nguyên cấp (nay là số 4600425361). Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 thay đổi lần thứ 3 ngày 03/05/2013 thì vốn điều lệ của công ty là: 5.500.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 1703000353, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2008 nay là số 4600425354 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp với số vốn điều lệ là 6.200.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty CARAT	1.946.494.078	(1.362.545.855)	2.546.494.078	(1.173.247.039)
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	(1.533.779.121)	1.533.779.121	(1.533.779.121)
Công ty CP May Nam Định	1.370.714.804	-	2.393.526.010	(358.057.803)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội 22	1.202.448.200	-	3.207.448.200	-
Công ty HAN CCO VINA	7.536.988.375	-	2.859.481.541	-
Công ty Hai Pha Việt Nam	3.900.000.000	-	-	-
Công ty CP Thương mại Thái Việt	2.103.700.355	-	-	-
Các đối tượng khác	15.021.364.499	(2.914.119.953)	21.427.464.293	(2.810.119.953)
<i>Nhà máy</i>				
Công ty Collab Việt Nam	2.387.234.782	-	8.331.389.363	-
Công ty Kết cấu thép cơ khí Đông Anh E&C	2.044.330.215	(225.000.000)	2.722.930.500	(75.000.000)
Công ty TNHH DONGGUK VINA	2.429.718.130	-	4.429.718.130	-
Công ty TNHH DONGHUI	18.221.511.926	-	6.305.068.000	-
Công ty TNHH Hoàng Giang Ninh Bình	-	-	1.968.957.036	-
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng công nghiệp	2.072.388.279	(336.651.498)	853.281.713	(21.400.633)
Công ty CP Nhà thép SBC Việt Nam	-	-	8.462.357.505	-
Công ty TNHH Thiên Phú	9.849.593.196	-	10.202.000.000	-
Công ty CP Xây dựng 105	-	-	1.978.989.753	(140.021.218)
Công ty TNHH Đầu tư Ô tô Ninh Bình	2.303.901.925	-	-	-
Các đối tượng khác	11.174.163.738	(2.553.814.420)	5.914.656.901	(2.879.683.601)
Cộng	85.098.331.623	(8.925.910.847)	85.137.542.144	(8.991.309.368)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty GOOLE ADWORDS	7.874.900	-
Công ty TNHH TQN Việt Nam	500.000.000	-
Công ty Việt Tiến Mạnh	-	5.940.000
Công ty Toàn Xuân An	-	76.824.000
Công ty CP Xây lắp & Sản xuất công nghiệp	35.414.621	35.414.621
<i>Nhà máy</i>		
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hạnh Nam	157.140.800	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại và Sản xuất Thành Đạt	144.598.000	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Quốc tế NINATIME	120.000.000	-
Công ty TNHH Xây lắp và Vận tải Tân Đạt	185.068.387	-
Công ty TNHH Tư vấn và Xây lắp Đăng Việt	290.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp WELDCOM	-	1.324.303.466
Công ty TNHH Xây lắp & Thương mại Quốc An	-	365.968.300
Công ty CP Sơn Vũ	-	315.000.000
Công ty Thương mại Thành Đạt	-	300.000.000
Các đối tượng khác	75.406.591	401.262.500
Cộng	1.515.503.299	2.824.712.887

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

5. Phải thu khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Phải thu khác	642.953.715	-	2.008.870.804	-
Công ty TNHH VITTO Phú Lộc	-	-	1.700.000.000	-
Nguyễn Xuân Tranh	26.150.000	-	26.150.000	-
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	334.800.000	-	-	-
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung	45.000.000	-	45.000.000	-
Các khoản phải thu khác	237.003.715	-	237.720.804	-

BẢN SAO
Mẫu số B/09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Nhà máy	977.783.373	-	337.870.747	-
Phải thu khác	678.627.918	-	96.353.109	-
Bảo hiểm phải thu của người lao động	104.282.330	-	35.723.771	-
Công ty TNHH Điện tử BSL Việt nam	512.154.564	-	-	-
Các khoản phải thu khác	62.191.024	-	60.629.338	-
Tạm ứng	299.155.455	-	241.517.638	-
Lê Văn Nhuận	48.850.000	-	38.850.000	-
Lê Quang Nam	10.000.000	-	19.110.000	-
Nguyễn Thị Phụng	3.000.000	-	20.939.000	-
Phạm Minh Trúc	-	-	10.000.000	-
Nguyễn Huy Hải	33.337.173	-	9.703.649	-
Các đối tượng khác	203.968.282	-	142.914.989	-
Cộng	1.620.737.088	-	2.346.741.551	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty CP ENZO VIET	365.928.468	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100.880.129	70.616.090	-	-
Công ty CP Công trình 207	45.000.000	22.500.000	115.000.000	92.500.000
Ban quản lý Khu du lịch Mẫu Sơn	500.000.000	319.504.881	-	-
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	-	1.533.779.121	-
Công ty Carat	1.946.494.078	583.948.223	2.546.494.078	1.373.247.039
Công ty ENPRAT	1.028.662.027	326.643.514	1.404.037.027	702.018.514
Công ty Việt Phát	580.000.000	-	680.000.000	204.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Trung	485.534.325	-	-	-
Viện nghiên cứu cơ khí	171.189.300	-	-	-
Công ty CP Tập đoàn Sóng Thần	110.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	276.967.453	10.777.264	2.783.580.377	815.921.134

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Nhà máy

Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt nam	531.073.225	-	531.073.225	-
Công ty CP Đầu tư phát triển Châu Á	414.867.067	300.000.000	414.867.067	300.000.000
Công ty CP Xây dựng số 11	200.000.000	-	300.000.000	100.000.000
Công ty HASCO	-	-	385.061.489	111.288.375
Công ty TNHH Long Hải	121.011.000	20.000.000	270.011.000	112.503.300
Cổng ty Thương mại tổng hợp Quảng Bình	364.410.947	-	364.410.947	-
Các đối tượng khác	4.499.714.476	2.695.610.797	2.088.224.385	613.750.986
Cộng	13.275.511.616	4.349.600.769	13.416.538.716	4.425.229.348

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.924.363.613	-	8.058.276.365	-
Công cụ, dụng cụ	34.110.417	-	69.628.540	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	70.551.705.662	-	40.023.868.933	-
Cộng	94.510.179.692	-	48.151.773.838	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	136.492.029	401.437.929
Dụng cụ văn phòng	71.908.892	-
Thảm bê tông đường bãi	300.878.719	121.626.148
Chi phí sửa chữa Văn phòng làm việc & nhà bảo vệ	-	33.311.192
Chi phí làm catalogue	30.635.119	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng chính	794.457.908	-
Phí dịch vụ hosting	324.000	2.268.000
Cộng	1.334.696.667	558.643.269

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đồng Anh - Huyện Đồng Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2018	13.714.493.180	34.048.359.937	6.541.176.091	254.017.727	54.558.046.935
Mua trong năm	623.654.962	2.516.867.707	856.716.364	-	3.997.239.033
Số dư ngày 31/12/2018	14.338.148.142	36.565.227.644	7.397.892.455	254.017.727	58.555.285.968
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2018	5.657.812.574	16.505.506.799	2.618.849.689	208.378.191	24.990.547.253
Khấu hao trong năm	579.084.329	3.759.453.508	604.636.401	22.504.544	4.965.678.782
Số dư ngày 31/12/2018	6.236.896.903	20.264.960.307	3.223.486.090	230.882.735	29.956.226.035
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	8.056.680.606	17.542.853.138	3.922.326.402	45.639.536	29.567.499.682
Tại ngày 31/12/2018	8.101.251.239	16.300.267.337	4.174.406.365	23.134.992	28.599.059.933

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.635.002.066 VND.

BẢN SAO

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Tài sản dở dang dở dang dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Sản xuất bồn nước máy cắt Plasma	-	45.625.435
Máy hàn dầm IHH-0815-T1	-	2.000.000
Xây dựng nhà ăn ca cho cán bộ công nhân viên	-	133.057.341
Sản xuất trạm cân Nhà máy	53.282.527	-
Sửa chữa nhà xưởng chính số 1+2	-	901.728.015
Cộng	53.282.527	1.082.410.791

11. Phải trả người bán

31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

a) Ngắn hạn**Văn phòng Công ty**

Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443
Các đối tượng khác	973.767.354	973.767.354	1.211.095.416	1.211.095.416

Nhà máy

Công ty CP Nhà khung thép & Thiết bị công nghiệp	14.922.622.159	14.922.622.159	18.000.763.586	18.000.763.586
Công ty CP Kinh doanh thép hình	-	-	1.252.430.472	1.252.430.472
Công ty CP Tư vấn đầu tư & Xây dựng Eva	1.047.521.992	1.047.521.992	3.515.220.489	3.515.220.489
Công ty TNHH Thép Nhật Quang	1.678.725.936	1.678.725.936	467.513.036	467.513.036
Công ty TNHH Ngọc Dân	3.362.633.543	3.362.633.543	578.678.100	578.678.100
Công ty CP Thương mại hàng hóa Quốc tế IPC	-	-	2.369.595.485	2.369.595.485
Công ty TNHH Ống thép 190	444.220.423	444.220.423	4.082.731.250	4.082.731.250
Công ty CP Thương mại hàng hóa Quốc tế PC	2.813.131.512	2.813.131.512	-	-
Công ty CP Nhà thép SBC Việt Nam	2.107.332.430	2.107.332.430	-	-

BẢN SAO
Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty Thép Xuân Nam	4.783.099.830	4.783.099.830	-	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt	1.795.882.356	1.795.882.356	-	-
Công ty CP Thương mại An Sang	3.447.806.800	3.447.806.800	-	-
Công ty CP Thương mại CITICOM	5.151.527.445	5.151.527.445	1.341.045.103	1.341.045.103
Các đối tượng khác	16.805.725.437	16.805.725.437	11.249.545.715	11.249.545.715
Cộng	75.470.131.540	75.470.131.540	60.204.752.975	60.204.752.975

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Nguyệt Ánh	1.500.000.000	1.000.000.000
Công ty CP Bao bì xi măng Long Sơn	-	3.074.866.458
Công ty CP Catalan	-	3.425.373.470
Công ty TNHH Dệt Hà Nam	-	947.000.000
Công ty Châu Minh Phát	-	1.066.232.130
Công ty TNHH VITTO	12.396.130.200	2.194.665.900
Công ty Nam Á	2.163.016.570	-
Công ty CPXD Bông Sen Vàng	2.897.400.000	-
Công ty TNHH MTV ĐT & XD Hoàng Dân	10.000.000.000	-
Các đối tượng khác	1.700.322.995	536.956.845
<i>Nhà máy</i>		
Công ty TNHH Tiến Dũng Việt Yên	-	1.400.000.000
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng công nghiệp	689.309.995	1.370.000.000
Công ty TNHH DONGHUI	-	3.125.240.910
Công ty TNHH Thiên Phú	8.500.000.000	-
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Bách Khoa	1.072.000.000	1.072.000.000
Các đối tượng khác	1.214.662.141	2.756.699.988
Cộng	42.132.841.901	21.969.035.701

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.967.924.636	155.042.982	2.122.967.618	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.103.835.139	2.209.981.478	2.753.835.139	559.981.478
Thuế thu nhập cá nhân	8.978.863	397.016.815	402.083.998	3.911.680
Tiền thuê đất	-	1.140.278.604	1.140.278.604	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	183.027.413	-	183.027.413	-
Cộng	3.263.766.051	3.906.319.879	6.606.192.772	563.893.158
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	67.819.937	67.819.937
Cộng	-	-	67.819.937	67.819.937

14. Chi phí phải trả**Ngắn hạn****Văn phòng Công ty**

Phụ cấp Ban chấp hành Đảng Bộ

Phí kiểm toán

Nhà máy

Chi phí công trình COLLAB Việt Nam

Tiền điện

Chi phí phải trả khác

Cộng

31/12/2018

VND

01/01/2018

VND

12.510.000

54.545.455

39.919.680

2.446.180

109.421.315

-

54.545.455

164.160.000

-

2.452.818

221.158.273

15. Doanh thu chưa thực hiện

31/12/2018

VND

01/01/2018

VND

Ngắn hạn**Văn phòng Công ty**

Công ty TNHH PLANIT VINA

Công ty CP Xây dựng Vilai Việt

Nhà máy

Công ty CP Cơ khí chính xác số 1

Cộng

5.550.000.000

739.090.909

1.172.562.545

7.461.653.454

-

-

-

-

BẢN SAO
Mẫu số B.09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Comess	550.000.000	550.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	350.846.395	350.846.395
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	2.051.943.631	2.051.943.631
Kinh phí công đoàn	29.776.526	27.105.026
Các khoản phải trả khác	461.977.913	420.694.457
<i>Nhà máy</i>		
Kinh phí công đoàn	486.271.621	400.046.378
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	2.263.876.411	2.263.876.411
Các đối tượng khác	740.365.369	741.512.525
Cộng	6.935.057.866	6.806.024.823

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**17. Vốn chủ sở hữu****17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư ngày 01/01/2017	45.000.000.000	3.191.509.818	12.262.536.328	60.454.046.146
Lãi trong năm trước	-	-	9.070.445.234	9.070.445.234
Chia cổ tức	-	-	(8.100.000.000)	(8.100.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(3.162.536.328)	(3.162.536.328)
Giảm khác (*)	-	-	(1.888.982)	(1.888.982)
Số dư ngày 31/12/2017	45.000.000.000	3.191.509.818	9.068.556.252	57.260.066.070
Lãi trong năm nay	-	-	9.216.844.488	9.216.844.488
Chia cổ tức	-	-	(7.650.000.000)	(7.650.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(1.463.177.155)	(1.463.177.155)
Số dư ngày 31/12/2018	45.000.000.000	3.191.509.818	9.172.223.585	57.363.733.403

(*) Giảm khác của năm 2017 là khoản điều chỉnh theo Biên bản quyết toán thuế năm 2016 và 2017, là số thuế GTGT không được khấu trừ do liên quan đến 02 đơn vị bỏ địa chỉ kinh doanh.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	10.400.000.000	10.400.000.000
Các đối tượng khác	34.600.000.000	34.600.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.650.000.000	8.100.000.000

17.4 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

17.5 Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

17.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2018	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2018
Quỹ đầu tư phát triển	15.606.628.702	-	-	15.606.628.702
Cộng	15.606.628.702	-	-	15.606.628.702

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Năm 2018, Công ty không trích bổ sung quỹ này.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2018	01/01/2018
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Tiền EUR	2,74	2,74
Tiền USD	50.379,82	50.401,82

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	273.600.260.042	309.589.511.560
Cộng	273.600.260.042	309.589.511.560

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	254.131.977.669	291.673.881.331
Cộng	254.131.977.669	291.673.881.331

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.586.168	65.937.605
Thu cổ tức	691.200.000	936.000.000
Thu chuyển nhượng vốn góp	-	144.000.000
Thu lãi bán hàng trả chậm	-	987.397.260
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	26.405.526	6.539.942
Cộng	736.191.694	2.139.874.807

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý TSCĐ	-	197.766.023
Thu tiền nhà của cán bộ công nhân viên	46.727.272	41.380.000
Xử lý khoản công nợ không phải trả	1.559.371	-
Thu tiền vi phạm hợp đồng Công ty Đa Quốc	-	300.000.000
Thu nhập khác	200.000	801
Cộng	48.486.643	539.146.824

5. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giảm giá trị quyết toán công trình May Nam Định	-	89.333.592
Giảm giá trị quyết toán với Công ty CP Tư vấn thiết kế Vinaincon	10.994.645	-
Phí trọng tài thu nợ Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	-	36.625.878
Tiền phạt chậm nộp thuế	7.998.022	184.897.857
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	26.735.434	39.252.774
Chi phí lắp dựng công trình COLLAB Việt Nam	8.880.000	-
Phạt chậm nộp báo cáo cho Ủy ban chứng khoán	-	60.000.000
Chi phí khác	33.495	1.726.467
Cộng	54.641.596	411.836.568

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.603.719.485	6.257.112.019
Chi phí nhân viên quản lý	2.191.801.799	2.085.177.261
Chi phí vật liệu quản lý	916.729.818	949.658.715
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.248.534	122.464.589
Chi phí khấu hao TSCĐ	652.022.193	721.732.436
Thuế, phí và lệ phí	1.244.517.529	1.247.928.468
Chi phí dự phòng	(65.398.521)	(14.687.472)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527.724.629	516.106.295
Chi phí bằng tiền khác	998.073.504	628.731.727
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	2.167.773.663	2.251.422.900
Chi phí nhân viên	2.011.583.346	2.039.256.776
Chi phí bảo hành	7.159.000	76.967.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	3.600.000
Chi phí bằng tiền khác	149.031.317	131.598.500
Cộng	8.771.493.148	8.508.534.919

BẢN SAO

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216.759.811.792	231.407.408.157
Chi phí nhân công	21.143.024.445	23.320.582.421
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.965.678.782	4.661.566.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.987.982.786	14.575.714.318
Chi phí khác bằng tiền	2.611.123.129	6.348.902.965
Cộng	282.467.620.934	280.314.174.141

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	274.384.938.379	312.268.533.191
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	273.667.332.853	311.325.993.249
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	717.605.526	942.539.942
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	262.958.112.413	300.594.252.818
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	262.617.425.462	298.306.817.553
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	340.686.951	2.287.435.265
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.049.907.391	13.019.175.696
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.209.981.478	2.603.835.139

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.216.844.488	9.070.445.234
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.216.844.488	9.070.445.234
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.048,19	2.015,65

(*): Công ty chưa có kế hoạch phân phối Quỹ Khen thưởng phúc lợi cho năm 2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***VII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan**

Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam

Công ty CP Kết cấu thép số 5

Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên

Mối quan hệ

Đơn vị góp vốn

Công ty liên kết

Công ty liên kết

2.1 Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Các khoản phải thu	1.353.988.537	1.019.188.537
Tài khoản 131	1.019.188.537	1.019.188.537
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	531.073.225	531.073.225
Công ty CP Kết cấu thép số 5	488.115.312	488.115.312
Tài khoản 138	334.800.000	-
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	334.800.000	-
Các khoản phải trả	12.508.140.254	12.508.140.254
Tài khoản 331	12.508.140.254	12.508.140.254
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811

2.2 Thu nhập của thành viên Ban lãnh đạo chủ chốt

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp	1.762.232.880	1.856.274.503
Cộng	1.762.232.880	1.856.274.503

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam và đã được Công ty điều chỉnh lại theo Kết quả của Biên bản thanh tra thuế ngày 24/10/2018 và Quyết định số 71386/QĐ-CT-TTr4 ngày 26/10/2018 của Cục thuế Hà Nội. Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được trình bày lại như sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Số liệu trước điều chỉnh và sau điều chỉnh**Bảng Cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

	Số liệu 31/12/2017		
	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	79.110.306.638	85.137.542.144	6.027.235.506
Phải thu ngắn hạn khác	2.160.714.097	2.346.741.551	186.027.454
Hàng tồn kho	68.119.206.545	48.151.773.838	(19.967.432.707)
Thuế GTGT được khấu trừ	1.685.263.616	-	(1.685.263.616)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	385.476.257	-	(385.476.257)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	38.565.182.972	21.969.035.701	(16.596.147.271)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.447.907.497	3.263.766.051	815.858.554
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.113.177.155	9.068.556.252	(44.620.903)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017		
	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	289.022.799.946	309.589.511.560	20.566.711.614
Giá vốn hàng bán	271.706.448.624	291.673.881.331	19.967.432.707
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.316.351.322	17.915.630.229	599.278.907
Chi phí khác	228.809.155	411.836.568	183.027.413
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.258.028.879	11.674.280.373	416.251.494
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.144.851.724	2.603.835.139	458.983.415
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.113.177.155	9.070.445.234	(42.731.921)

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y